

Số: /KH-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 26/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về điều chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 332/KH-UBND ngày 29/7/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Văn bản số 10213/UBND-CNN&XD ngày 12/8/2026 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch số 332/KH-UBND ngày 29/7/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên;

UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 thành các nhiệm vụ, giải pháp và sản phẩm cụ thể trong năm 2026; làm căn cứ để các sở, ban, ngành, UBND cấp xã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện.

- Tập trung chỉ đạo triển khai đồng bộ Chương trình ngay từ năm đầu của giai đoạn; kiện toàn tổ chức bộ máy; hoàn thiện cơ chế, chính sách; phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; tạo nền tảng để hoàn thành các mục tiêu của cả giai đoạn 2026-2030.

- Phát huy vai trò chủ động của các cấp, các ngành và chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện Chương trình; huy động sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, cộng đồng dân cư và Nhân dân nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2026; thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, giảm nghèo bền vững, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc.

## **2. Yêu cầu**

- Triển khai Chương trình bảo đảm thống nhất, đồng bộ, đúng quy định của Trung ương, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Các mục tiêu, nhiệm vụ phải được xác định cụ thể, có lộ trình, tiến độ, sản phẩm đầu ra và cơ quan chịu trách nhiệm; bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian (tiến độ) và rõ kết quả.

- Việc tổ chức thực hiện phải gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của từng địa phương; ưu tiên nguồn lực cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn đặc biệt khó khăn, các xã an toàn khu và xã phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới.

- Thực hiện hiệu quả việc lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án, đề án khác và các nguồn vốn hợp pháp; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục tiêu, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh ngay từ năm đầu giai đoạn 2026-2030; tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách, kiện toàn tổ chức thực hiện, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân, giảm nghèo bền vững và tạo nền tảng hoàn thành các mục tiêu của Chương trình năm 2026 và trong cả giai đoạn.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

a) Phần đầu năm 2026 toàn tỉnh có 19% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

b) Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025) trên 1,5 điểm %/năm. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025) giảm xuống dưới 10%.

c) Phần đầu tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận các dịch vụ thiết yếu: 90% số hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (trong đó 45% số hộ được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn); 98% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện phù hợp khác; đồng thời hỗ trợ xây dựng ít nhất 1.000 căn nhà ở.

## **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Kiện toàn tổ chức bộ máy; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình**

Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 26/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện Chương trình.

Tiếp tục củng cố bộ máy giúp việc của Ban Chỉ đạo; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ trực tiếp tham mưu, tổ chức thực hiện Chương trình ở các cấp; tăng cường phối hợp liên ngành, bảo đảm thống nhất trong chỉ đạo, điều hành từ tỉnh đến cơ sở.

Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2026 phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, tiến độ thực hiện, nguồn lực và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; đưa các chỉ tiêu của Chương trình vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Lấy kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu.

### **2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách; tập trung triển khai đồng bộ các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình**

Khẩn trương rà soát, cụ thể hóa đầy đủ các cơ chế, chính sách của Trung ương; tham mưu ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh để tổ chức thực hiện Chương trình ngay trong năm đầu giai đoạn.

Hoàn thành việc ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn rà soát, đánh giá hiện trạng các xã sau sắp xếp đơn vị hành chính theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030, làm cơ sở xây dựng lộ trình thực hiện đến năm 2030.

Rà soát, sửa đổi hoặc đề xuất sửa đổi các cơ chế, chính sách không còn phù hợp; nghiên cứu ban hành các chính sách đặc thù của tỉnh nhằm huy động nguồn lực, khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững.

### **3. Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực thực hiện Chương trình**

Tập trung chỉ đạo giao kế hoạch vốn ngay sau khi được cấp có thẩm quyền giao; đẩy nhanh tiến độ phân bổ, giải ngân nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Thực hiện lồng ghép hiệu quả nguồn lực của các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án, đề án và các nguồn vốn hợp pháp khác; ưu tiên bố trí nguồn lực cho các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng an toàn khu và địa bàn đặc biệt khó khăn.

Đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội hóa từ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế và Nhân dân trên cơ sở tự nguyện; khuyến khích các địa phương có điều kiện hỗ trợ các địa phương còn khó khăn; bảo đảm sử dụng vốn đúng mục tiêu, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, hiệu quả và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Tăng cường theo dõi, đôn đốc tiến độ giải ngân; kịp thời điều chỉnh kế hoạch vốn giữa các đơn vị khi cần thiết theo quy định nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

### **4. Tập trung hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới năm 2026**

- Tập trung chỉ đạo thực hiện các tiêu chí đối với 15 xã kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026; xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng xã, xác định rõ các tiêu chí chưa đạt, nhu cầu vốn, lộ trình thực hiện và phân công trách nhiệm của từng cơ quan phụ trách.

- Rà soát, đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn 2026-2030 đối với toàn bộ các xã sau sắp xếp đơn vị hành chính; phân loại theo nhóm xã để xây dựng kế hoạch đầu tư và lộ trình thực hiện phù hợp, hiệu quả.

- Ưu tiên nguồn vốn đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu, nhất là giao thông nông thôn, điện, nước sạch, trường học, cơ sở y tế, hạ tầng văn hóa, hạ tầng số, trong đó tập trung nguồn lực cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn và các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới. Đồng thời, nâng cao chất lượng các tiêu chí về môi trường, cảnh quan, an ninh trật tự, cải cách hành chính và chuyển đổi số, góp phần nâng cao chất lượng đời sống và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại các địa bàn.

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nội dung phát triển kinh tế nông thôn, trong đó tập trung:

+ Thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế - xã hội và đáp ứng nhu cầu thị trường.

+ Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu; hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, liên kết sản xuất và tiêu thụ với doanh nghiệp; hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ.

+ Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn và bảo đảm an toàn dịch bệnh; phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững. Ứng dụng cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ, công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất, quản lý vùng trồng và xây dựng cơ sở dữ liệu ứng dụng công nghệ số trong quản lý vùng nguyên liệu, mã số vùng trồng, mã số vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc đối với lương thực thực phẩm.

+ Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030. Đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn theo hướng cộng đồng, sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp gắn với bảo tồn thiên nhiên và văn hóa bản địa.

+ Phát triển ngành nghề nông thôn; bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống theo hướng bền vững, nâng tầm thương hiệu làng nghề phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và văn hóa của địa phương; chuyển đổi số, xây dựng bản đồ số làng nghề; tổ chức Hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam thường niên và Festival bảo tồn và phát triển làng nghề.

+ Kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản tại thị trường trong nước và xuất khẩu; đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ bảo đảm bền vững, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong thương mại, dịch vụ khu vực nông thôn; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn.

+ Phát triển hệ thống sơ chế, chế biến nông sản theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung và chuỗi ngành hàng; nâng cao khả năng bảo quản, chế biến sâu, đa dạng hóa và gia tăng giá trị sản phẩm.

+ Phát triển mạng lưới khuyến nông cộng đồng gắn với nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Tập trung, ưu tiên cho địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu.

+ Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, hỗ trợ giảm nghèo, phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa và trình độ phát triển của từng địa phương, đặc biệt tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu; khuyến khích ứng dụng khoa học - công nghệ, kinh tế số, kinh tế xanh và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm kết nối thị trường; thí điểm cơ chế tín dụng vi mô, bảo hiểm nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và duy trì bền vững.

## **5. Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững**

Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, sinh thái, tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với chế biến, tiêu thụ và truy xuất nguồn gốc.

Phát triển sản phẩm OCOP theo hướng nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị, mở rộng thị trường tiêu thụ, ứng dụng thương mại điện tử và chuyển đổi số; khuyến khích phát triển các sản phẩm đặc trưng gắn với bảo tồn giá trị văn hóa địa phương.

Củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi nghiệp ở khu vực nông thôn.

Triển khai đồng bộ các chính sách giảm nghèo; hỗ trợ phát triển sinh kế, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tín dụng ưu đãi và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới.

## **6. Tập trung phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

Triển khai đầy đủ các nội dung của Hợp phần thứ hai phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên bố trí nguồn lực cho các công trình hạ tầng thiết yếu, phát triển sinh kế, thực hiện các nội dung về đất ở, nhà ở, điện sinh hoạt, nước sinh hoạt hợp vệ sinh, giải quyết tình trạng tảo hôn, xóa mù chữ và các nhiệm vụ cấp thiết khác nhằm hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện điều kiện sinh hoạt và nâng cao chất lượng các dịch vụ xã hội cơ bản.

Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển các mô hình sinh kế bền vững. Đẩy mạnh bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào.

Ưu tiên nguồn lực cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn và vùng an toàn khu đăng ký phân đầu thoát khỏi diện đặc biệt khó khăn năm 2026; thực hiện đồng bộ, đầy đủ, kịp thời các chính sách dân tộc, chính sách an sinh xã hội và các chương trình hỗ trợ phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

7. Lựa chọn xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn nông thôn mới lấy xây dựng thôn nông thôn mới làm hạt nhân để trở thành phong trào lan tỏa rộng khắp, tạo ra diện mạo mới cho khu vực nông thôn và cộng đồng dân cư, góp phần đưa xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững.

## **8. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao năng lực và đẩy mạnh phong trào thi đua**

Đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các cơ chế, chính sách mới của tỉnh về thực hiện Chương trình; tăng cường truyền thông trên các nền tảng số, cơ quan báo chí, truyền thanh cơ sở; chú trọng tuyên truyền, nhân rộng các mô hình hay, cách làm sáng tạo, gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình.

Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ các cấp, Ban phát triển thôn, hợp tác xã và các chủ thể tham gia Chương trình.

Triển khai có hiệu quả phong trào thi đua: “Thái Nguyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035”; tiếp tục triển khai thực hiện các cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, các phong trào thi đua “Toàn dân chung tay bảo vệ môi trường, vì một Việt Nam xanh - sạch - đẹp”, “Ngày thứ Bảy xanh” và các phong trào thi đua khác do tỉnh phát động; gắn phong trào thi đua với công tác biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích xuất sắc.

## **9. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá và sơ kết việc thực hiện Chương trình**

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình; chú trọng kiểm tra công tác phân bổ nguồn lực, kịp thời chấn chỉnh việc phân bổ chưa bám sát mục tiêu, đối tượng ưu tiên và nhu cầu thực tế; kiểm tra định kỳ và đột xuất về tiến độ thực hiện, giải ngân vốn và kết quả hoàn thành các mục tiêu của Chương trình.

Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi và đánh giá Chương trình.

Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp chậm triển khai, thiếu trách nhiệm hoặc sử dụng nguồn lực không hiệu quả.

#### IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng ngân sách nhà nước bố trí cho Chương trình năm 2026 khoảng 973,52 tỷ đồng, trong đó:

a) Ngân sách Trung ương: 349,94 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư công: 259,65 tỷ đồng;
- Kinh phí thường xuyên: 90,29 tỷ đồng.

b) Ngân sách địa phương đối ứng khoảng 623,58 tỷ đồng<sup>(1)</sup>.

2. Tổng mức vốn dự kiến huy động thực hiện Chương trình năm 2026 khoảng 2.573,52 tỷ đồng, với cơ cấu như sau:

a) Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ trực tiếp: 349,94 tỷ đồng, chiếm 13,60%.

b) Vốn ngân sách địa phương đối ứng: 623,58 tỷ đồng, chiếm 24,23%.

c) Vốn lồng ghép từ các chương trình MTQG, chương trình, dự án khác: khoảng 600 tỷ đồng, chiếm 23,31%.

d) Vốn tín dụng chính sách: khoảng 600 tỷ đồng, chiếm 23,31%.

đ) Vốn doanh nghiệp, huy động đóng góp tự nguyện của cộng đồng, người dân và các nguồn vốn hợp pháp khác: khoảng 400 tỷ đồng, chiếm 15,55%.

#### V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

##### 1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức thực hiện Kế hoạch; theo dõi, điều phối chung việc triển khai các hợp phần, nội dung thành phần của Chương trình.

Chủ trì tham mưu giao kế hoạch, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030; hướng dẫn đánh giá, phân loại các xã và xây dựng lộ trình thực hiện; chủ trì tham mưu tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026.

Chủ trì xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi Chương trình; tổng hợp tình hình thực hiện, kết quả giải ngân, khó khăn, vướng mắc; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo và các bộ, ngành Trung ương theo quy định.

Phối hợp với Sở Tài chính và Sở Dân tộc và Tôn giáo tham mưu phân bổ nguồn vốn, điều chỉnh kế hoạch vốn (nếu có); hướng dẫn các địa phương sử dụng nguồn vốn đúng mục tiêu, đúng quy định.

---

<sup>1</sup> Ngân sách cấp tỉnh 356,614 tỷ đồng và 125.000 tấn xi măng (tương đương khoảng 187,5 tỷ đồng); ngân sách xã, phường 79,466 tỷ đồng

Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Thái Nguyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035”.

Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục duy trì, triển khai hiệu quả các phong trào thi đua, cuộc vận động đã được phát động trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là các cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, phong trào thi đua “Toàn dân chung tay bảo vệ môi trường, vì một Việt Nam xanh - sạch - đẹp”, “Xây dựng xã, phường bảo đảm trật tự, kỷ cương, văn minh và mỹ quan đô thị”, “Ngày thứ Bảy xanh”; thường xuyên đánh giá, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả, tạo sức lan tỏa trong cộng đồng.

## **2. Sở Dân tộc và Tôn giáo**

Chủ trì triển khai các nội dung thuộc Hợp phần thứ hai phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chủ trì hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách dân tộc theo quy định.

Chủ trì rà soát, tổng hợp, đề xuất kế hoạch điều chỉnh vốn thực hiện Hợp phần thứ hai; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính tổng hợp chung vào kế hoạch vốn của Chương trình.

Tham mưu triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển sinh kế, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng và nâng cao đời sống người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chủ trì kiểm tra, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện Hợp phần thứ hai, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo theo quy định.

## **3. Sở Tài chính**

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh cân đối nguồn lực, bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; phối hợp với cơ quan thường trực Chương trình và các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, tham mưu phương án phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình năm 2026, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán các nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo và các cơ quan liên quan theo dõi, tổng hợp tình hình phân bổ, sử dụng và giải ngân nguồn vốn thực hiện Chương trình; cung cấp số liệu phục vụ công tác theo dõi, đánh giá và báo cáo theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, điều chuyển dự toán, kế hoạch vốn thực hiện Chương trình theo quy định.

Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, cân đối, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để thực hiện cho vay theo quy định.

Thực hiện kiểm tra tài chính theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao; hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật.

#### **4. Các sở, ban, ngành được giao chủ trì nội dung thành phần**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung thành phần của Chương trình, xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2026 thuộc lĩnh vực quản lý; xác định rõ mục tiêu, tiến độ, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm của từng đơn vị.

Chủ động ban hành hoặc tham mưu ban hành các văn bản hướng dẫn chuyên ngành; tổ chức tập huấn, kiểm tra, giám sát; tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo cơ quan thường trực Chương trình theo quy định; chủ trì tổ chức rà soát, thẩm định và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu đạt chuẩn thuộc lĩnh vực ngành quản lý.

Chủ động lồng ghép các nguồn lực thuộc ngành quản lý để thực hiện các mục tiêu của Chương trình; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí và tiến độ giải ngân thuộc lĩnh vực phụ trách.

Chỉ đạo, tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ đối với 15 xã kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026, hoàn thiện các tiêu chí, điều kiện, hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện tại địa phương, cơ sở.

#### **5. Ngân hàng Nhà nước Khu vực V, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các tổ chức tín dụng**

Triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách phục vụ giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tạo điều kiện để hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hợp tác xã, tổ hợp tác và các đối tượng chính sách tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi phát triển sản xuất, tạo việc làm và nâng cao thu nhập.

Trên cơ sở nhu cầu vay vốn thực tế của hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phối hợp với Sở Tài chính đề nghị UBND tỉnh ủy thác nguồn vốn ngân sách địa phương bảo đảm phù hợp quy định và khả năng cân đối, bố trí nguồn lực của tỉnh.

## **6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chương trình; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng trong quá trình triển khai thực hiện.

Tiếp tục triển khai hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và bảo vệ môi trường; nhân rộng các mô hình tiêu biểu, cách làm hay, sáng tạo.

## **7. UBND các xã, phường**

Xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2026 phù hợp với điều kiện thực tế; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ, nguồn lực và trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân.

Tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2026-2030; xây dựng kế hoạch hoàn thành các tiêu chí đối với các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026.

Chủ động bố trí ngân sách địa phương, huy động các nguồn lực hợp pháp; tổ chức thực hiện các dự án, nội dung thành phần; quản lý, sử dụng vốn đúng quy định.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phát huy vai trò chủ thể của người dân; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban phát triển thôn, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn.

\* Riêng đối với 15 xã kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026: Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện hoàn thiện các nội dung tiêu chí chưa đạt; chủ động, tăng cường phối hợp với các sở, ngành, đơn vị được giao phụ trách, hướng dẫn các chỉ tiêu, tiêu chí, hoàn thiện hồ sơ, minh chứng, hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn theo quy định.

## **8. Chế độ thông tin, báo cáo**

Các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các xã, phường thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng quý, 6 tháng, năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu; gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh và các bộ, ngành Trung ương.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo (b/c);
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước Khu vực V;
- Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- Thống kê Thái Nguyên;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNNXD, TH.

Huynhpx/2026

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Loan**

**Phụ lục số 01**  
**MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026-2030**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

| TT | Mục tiêu, chỉ tiêu                                                                                                               | Đơn vị tính | Mục tiêu, chỉ tiêu phần đầu năm 2026 | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------|------------------------------------|
| 1  | Phần đầu tỷ lệ số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới                                                                      | %           | 19                                   | Sở Nông nghiệp và Môi trường       |
| 2  | Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân năm 2026 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025)                                           | điểm %      | >1,5                                 | Sở Nông nghiệp và Môi trường       |
| 3  | Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025) | %           | <10                                  | Sở Nông nghiệp và Môi trường       |
| 4  | Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận các dịch vụ thiết yếu                                                                |             |                                      |                                    |
| -  | Phần đầu tỷ lệ hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (trong đó có 45% số hộ được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn)           | %           | 90                                   | Sở Dân tộc và Tôn giáo             |
| -  | Phần đầu tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện phù hợp khác                                                 | %           | 98                                   | Sở Dân tộc và Tôn giáo             |
| -  | Hỗ trợ xây dựng nhà ở                                                                                                            | nhà         | 1.000                                | Sở Dân tộc và Tôn giáo             |

**Phụ lục số 02**  
**DANH SÁCH XÃ PHÂN ĐẦU ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2026**  
(Kèm theo Kế hoạch số            /KH-UBND ngày    /    /2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

| <b>TT</b> | <b>Tên đơn vị</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|-------------------|----------------|
| 1         | Xã Tân Cương      |                |
| 2         | Xã Kha Sơn        |                |
| 3         | Xã La Hiên        |                |
| 4         | Xã Tân Thành      |                |
| 5         | Xã Bình Thành     |                |
| 6         | Xã Phú Đình       |                |
| 7         | Xã Vô Tranh       |                |
| 8         | Xã Bình Yên       |                |
| 9         | Xã Phú Xuyên      |                |
| 10        | Xã Đại Từ         |                |
| 11        | Xã Tân Khánh      |                |
| 12        | Xã An Khánh       |                |
| 13        | Xã La Bằng        |                |
| 14        | Xã Vạn Phú        |                |
| 15        | Xã Diềm Thụy      |                |